

Bản án số: **145/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 8 - 2026.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Em.

2. Ông Hồ Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2026/TLST - HN ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 276/2026/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 6 năm 2026 giữa:

-Nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp P, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

-Bị đơn:

Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp P, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, bản khai, đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có lời trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Anh T do tự tìm hiểu, quen biết và sau đó chị N và T có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Ngày 03/05/2018, cả hai tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long).

Sau khi kết hôn chị N và anh T sống vui vẻ, hạnh phúc với nhau đến khoảng thời gian cuối năm 2020, chị N và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau dù đã hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị N và anh T hiện tại không còn chung sống với nhau, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình trạng hôn nhân giữa

chị N và anh T đã đi vào bế tắc không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài.

Nay thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể đoàn tụ được nữa nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị N và anh T có 01 (một) người con chung là Nguyễn Kim N1, sinh ngày 12/6/2019, hiện đang sống cùng với chị N, sau ly hôn chị N yêu cầu Tòa án xem xét giao con chung cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng tự nguyện có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng qui định.

Anh Nguyễn Anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 03/5/2018, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn sau khi kết hôn, vợ chồng sống vui vẻ, hạnh phúc với nhau đến khoảng thời gian cuối năm 2020, chị N và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau dù đã hòa giải nhiều lần nhưng đều không thành, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị N và anh T hiện tại không còn chung sống với nhau, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Anh T đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh không đến Tòa án theo yêu cầu, cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên đơn cương quyết ly hôn còn bị đơn dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng bị đơn đã bỏ mặc cho nguyên đơn tự giải quyết, không cùng nguyên đơn có các biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy Hội đồng xét xử cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn là do tự nguyện vì vậy cần ghi nhận. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nên không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Kim N1, sinh ngày 12/6/2019, hiện đang sống cùng chị N, sau khi ly hôn. chị N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, phía anh T không có ý kiến trình bày. Hội đồng xét xử nhận thấy khi vợ chồng ly hôn, việc giao con chung cho ai nuôi là phải đảm bảo về mọi mặt cho con chung, đối với nguyên đơn sau khi vợ chồng sống ly thân nguyên đơn là người trực tiếp nuôi con chung, con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng chị N vì vậy để đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Nguyễn Kim N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng cho con là do tự nguyện cần ghi nhận là phù hợp.

Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị N phải có nghĩa vụ chịu án phí không có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đối với bị đơn anh Nguyễn Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Anh T.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị N có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Kim N1, sinh ngày 12/6/2019, hiện đang sống cùng chị N.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Anh T cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008901 ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

6. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6 và 7 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã P, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Cường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Thái

Phạm Văn Em

Đào Chí Cường

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-Các đương sự;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA

-TAND tỉnh Bến Tre;

-VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre;

-Chi cục THADS huyện C, tỉnh Bến Tre;

-UBND xã Vĩnh Bình, huyện C, tỉnh Bến Tre;

-Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Đào Chí Cường